

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2023/HS-ST
Ngày 22-11-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Long

Bà Thạch Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 225/2023/TLST-HS ngày 09/11/2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2023/QĐXXST-HS ngày 10/11/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T - Giới tính: Nam; sinh năm 1991 tại: Hà Nội; nơi cư trú: Thôn G, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Đức N và con bà: Nguyễn Thị M; vợ Nguyễn Kiều D; có 01 con sinh năm 2020; TATS: Theo danh chỉ bản số 464 ngày 21/9/2023 do Công an huyện G, thành phố Hà Nội lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

*** Bị hại: Công ty cổ phần V**

Địa chỉ trụ sở: Đường X, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Duy H - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Cao K, sinh: 1995, HKTT: phường C, quận H, thành phố Hải Phòng, hiện trú tại: Đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Đức T là nhân viên phát triển thị trường toàn quốc (gọi tắt là nhân viên giao hàng) làm việc tại Công ty cổ phần V, địa chỉ trụ sở: Đường X, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Bru cục Q tại thị trấn Q, huyện G, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng dịch vụ, thời hạn từ 11/11/2020 đến 31/12/2021. Nhiệm vụ của T là hàng ngày nhận, giao, trả các đơn hàng cho các khách hàng và thu tiền đơn hàng giao thành công (gọi là tiền COD) nộp về cho Bru cục. T được công ty cấp mã nhân viên số 2040820 để nhập số tài khoản vào ứng dụng “Tài xế giaohangnhanh”(App m-PDS) của Công ty trên điện thoại di động. Khoảng 7 giờ đến 8 giờ hàng ngày, T đến Bru cục nhận hàng từ nhân viên xử lý. Hàng được giao cho T sẽ được gắn thông tin lên App m-PDS giao hàng nhanh của Công ty. Khi T giao hàng và nhận tiền thanh toán của khách hàng xong thì sẽ tích vào nội dung giao thành công trên ứng dụng “Tài xế giaohangnhanh” trong điện thoại. Đến cuối ngày, khoảng từ 17 giờ đến 21 giờ hàng ngày, T sẽ nộp số tiền hàng thu được của khách trong ngày cho chị Ngô Thị Tuyết M1, sinh: 1995, HKTT: Xã Q, huyện B, Hà Giang là nhân viên thu ngân của Bru cục để chị M1 nộp tiền về Công ty. Đối với những hàng hóa giao không thành công, T sẽ hoàn về Bru cục để xử lý theo quy định. Ngày 25/12/2020, anh Trần V1, sinh: 1991, HKTT: khu đô thị V, phường V, quận L, Hà Nội là nhân viên xử lý của Bru cục đã giao cho T khoảng 30 đơn hàng. T đã giao thành công một số đơn hàng và tích giao thành công trên App giao hàng của Công ty, đã nộp tiền về cho chị Ngô Thị Tuyết M1, là nhân viên thu ngân của Bru cục. Tuy nhiên có 7 đơn hàng, T đã giao thành công cho khách hàng, thu được tổng số tiền là 4.567.600 đồng nhưng T không tích đã giao thành công trên App giao hàng của Công ty và không nộp số tiền 4.567.600 đồng thu được về Bru cục mà T đã tiêu sài cá nhân và T đã làm thất lạc 3 đơn hàng trị giá 997.662 đồng. Từ ngày 26/12/2020, T nghỉ việc tại Bru cục nhưng không thông báo cho Công ty cổ phần V. Ngày 28/12/2020, anh Nguyễn Trọng H1, sinh: 1992, HKTT: Tổ X, thị trấn D, huyện D, Thái Bình là quản lý Bru cục Q và chị Ngô Thị Tuyết M1 đã gọi điện và thông báo bằng Email cho Công ty cổ phần V về việc T chiếm dụng số tiền 4.567.600 đồng. Công ty cổ phần V đã nhiều lần liên lạc với T để yêu cầu T hoàn trả số tiền đã chiếm dụng nhưng T không hoàn trả số tiền 4.567.600 đồng. Ngày 22/11/2022, anh Trần Cao K, sinh năm 1995, HKTT: phường C, quận H, thành phố Hải Phòng, hiện trú tại: phường M, quận N, Hà Nội, đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần V có đơn trình báo đến Công an huyện G, Hà Nội về việc Nguyễn Đức T chiếm đoạt số tiền 4.567.600 đồng vào ngày 25/12/2020 của công ty.

Tại bản cáo trạng số 227/CT-VKSGL ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 6 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 18 tháng. Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã K giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

* Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/12/2020, bị cáo Nguyễn Đức T được giám đốc Công ty cổ phần V giao cho việc đi giao hàng và thu tiền hàng của khách trên địa bàn huyện G sau đó về nộp lại tiền cho Bru cục Q. T đã thu được số tiền hàng là 4.567.600 đồng nhưng không nộp lại cho Bru cục Q thuộc Công ty cổ phần V mà đã sử dụng toàn bộ số tiền này vào mục đích tiêu sài cá nhân.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với bị cáo.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân của bị cáo chưa có tiền án - tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thiệt hại gây ra không lớn là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

* Về việc áp dụng hình phạt:

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án cải tạo không giam giữ theo Điều 36 của Bộ luật Hình sự cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[9]. Về việc khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung công quỹ nhà nước: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ.

* Về trách nhiệm dân sự:

[10]. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại đối với 03 đơn hàng có số tiền 997.662 đồng do bị cáo T làm thất lạc và số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của là 4.567.600 đồng, tổng cộng là 5.565.262 đồng cho Công ty cổ phần V. Anh Trần Cao K là đại diện Công ty cổ phần V được ủy quyền đã nhận số tiền 5.565.262

đồng và không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết về dân sự là có căn cứ.

* Về án phí:

[11]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Về quyền kháng cáo:

[12]. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục, bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo bị cáo Nguyễn Đức T cho UBND xã K, huyện G, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKS nhân dân huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã K, huyện G, t/p Hà Nội (Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng